

## TRAO ĐỔI Ý KIẾN

# TÔN GIÁO VỚI TOÀN CẦU HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ

**(Đối thoại cùng Samuel Huntington qua tác phẩm:  
*Sự va chạm của các nền văn minh*)**

NGUYỄN DUY HÌNH<sup>(\*)</sup>

**T**oàn cầu hoá và hiện đại hoá là một hiện tượng mới phát sinh cuối thế kỷ XX, đặc biệt nổi trội sau khi Liên Xô tan rã. Hiện tượng mới này ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần của toàn thế giới. Kinh tế, khoa học kỹ thuật, chính trị, chiến tranh, văn hoá nghệ thuật, tín ngưỡng tôn giáo... không lĩnh vực nào trong đời sống của con người không bị tác động. Nhà máy tự động, kinh tế trí thức, điện thoại di động, email, fax, vô tuyến truyền hình, vệ tinh thông tin, internet, t'shirt, jean, hip hop, ok, bye bye... tràn ngập thế giới đông tây nam bắc và tất nhiên tràn ngập Việt Nam. Đó là điều chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại. Một "vị tầng hữu" mới, lớn hơn "vị tầng hữu" của Phật giáo tự xưng. Phật giáo quả cũng là một "vị tầng hữu". Khi Ấn Độ chìm đắm trong Bà La Môn giáo với Thần ý luận Phạm Thiên sáng tạo con người mà Thích Ca Mâu Ni dám khẳng định con người do nhân duyên khế hợp tứ đại mà thành chẳng phải là "vị tầng hữu" hay sao?

Với công nghệ thông tin hiện đại, thế giới thu gọn vào trong một màn tivi bằng hai bàn tay, hay trong màn hình điện thoại di động bằng 2 ngón tay! Cái vô hạn trong lòng bàn tay! Đúng như đầu đề của cuốn sách đối thoại về Phật giáo của nhà thiên văn học Việt kiều Trịnh Xuân

Thuận và nhà di truyền học Pháp đã xuất gia Mathieu Ricard<sup>(1)</sup>. Không phải họ mượn tên sách trong kinh Phật mà trong tiểu thuyết của Ngô Thừa Ân. Nhưng so với lý thuyết của *Kinh Hoa Nghiêm* "trong một đầu sợi lông tất cả thế giới tánh sai biệt..." (Phẩm *Sơ phát tâm công đức*) đầu Công nguyên thì kích thước màn hình điện thoại di động vẫn còn quá lớn, quá công kênh! Ngồi trong một gian phòng 20 m<sup>2</sup>, không cần điện lưới, chỉ với chiếc điện thoại di động đời mới nhất đã có thể biết tại nước Mỹ xa xôi nghìn dặm xảy ra việc gì đó: thị trường chứng khoán cổ phiếu tăng giảm chỉ số này chỉ số nọ, giá dầu lửa tăng lên hay hạ xuống vài đôla, hay Toà Tháp Đôi bị máy bay khủng bố đâm nổ... Tin tức từ New York, London, Paris, Tokyo,... đều cũng cập "giờ" ngay lập tức! Cũng cập "giờ" ngay việc phái Sunnit đánh bom cảm tử vào đền thờ phái Shiit hay khu chợ hoặc đội lính Mỹ ở Bagdah. Cũng cập "giờ" ngay tàu vũ trụ đã hạ cánh xuống Sao Hoả hay module đánh chặn Sao Chổi đã thành công... Cập "giờ" không chỉ trên toàn cầu mà trong vũ trụ. Toàn cầu hoá đang vũ trụ hoá! Cho nên, sự toàn cầu hoá là hệ quả của hiện đại hoá. Nhưng liệu sự toàn cầu hoá đó có

\*. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Cái vô hạn trong lòng bàn tay: Từ Big Bang đến Giác ngộ*. Nxb Trẻ, 2005.

dẫn đến *Sự va chạm của các nền văn minh* như Samuel Huntington viết hay không? Nguyên tác *The clash of civilization and the remarking of world order* này xuất bản ở Canada năm 2001, được dịch ra Quốc ngữ ấn hành ở Việt Nam đầu năm 2005.

Quả nhiên, các nền văn minh đã gặp nhau trong một màn hình nhỏ xíu trên tay một người bất kì nào của nhân loại. Nhưng liệu đó có phải là sự va chạm (clash = va chạm, đụng độ, xung đột) của các nền văn minh hay không thì còn cần phải thảo luận.

Sự tiếp xúc của các nền văn minh là hệ quả của sự phát triển kinh tế kỹ thuật chủ yếu là phương tiện giao thông và thông tin. Tiếp xúc chưa đồng nghĩa với va chạm. Tự thân văn minh không đồng nghĩa sức mạnh vật chất gây ra va chạm, tức đụng độ vũ lực. Nếu nhìn lại lịch sử nhân loại sẽ thấy các bước "va chạm" cơ bản như sau.

Đầu tiên, các nhóm người nguyên thuỷ sống hoàn toàn cô lập. Phương tiện giao thông là đôi chân chỉ cho phép họ đi lại trong vòng 100 km, mà thời đó trong vòng 100 km vẫn là *No man land*.

Khi biết dùng bè mảng, họ đã đi xa hơn đến hàng 1.000 km, hình thành cuộc "va chạm" thứ nhất như cuộc "va chạm" của Văn minh Trung Quốc thời Chiến Quốc với Văn minh Đông Sơn (Việt Nam).

Khi biết cưỡi ngựa, đi xe, đi thuyền buồm, họ đã đi hàng 10.000 km, hình thành cuộc "va chạm" lần thứ hai. Đó là cuộc "va chạm" Văn minh Trung Quốc thời Hán Đường với các nền văn minh Tây Vực chẳng hạn.

Khi đã xuất hiện thuyền buồm và tàu thuỷ, họ đã đi hàng 100.000 km. Những cuộc hàng hải thế giới do các nước Phương Tây, như Tây Ban Nha, Bồ Đào

Nha... tiến hành dẫn đến sự "phát hiện" Tân Thế giới chẳng hạn. Đó là cuộc "va chạm" lần thứ ba. Thực ra, cuộc "va chạm" Tây - Đông lớn nhất là cuộc viễn chinh của Alexandre le Grand vào thế kỉ III trước Công nguyên.

S. Huntington cũng nhận định cơ bản như thế khi viết: "Các nền văn minh cũng cách biệt nhau về địa lí. Mãi đến năm 1500 các nền văn minh Andes và Trung Mỹ mới có những tiếp xúc với nhau hoặc với nền văn minh khác. Các nền văn minh sớm thuộc các thung lũng sông Nin, Luông Hà, Indus và Hoàng Hà không có giao lưu. Sau hết, những tiếp xúc giữa các nền văn minh không nhân rộng ở Đông Địa Trung Hải, Tây Nam Á và Bắc Ấn Độ. Giao thông liên lạc và thương mại rất hạn chế do khoảng cách địa lí giữa các nền văn minh và do sự hạn chế của phương tiện. Cùng với hoạt động thương mại bằng đường biển ở vùng Địa Trung Hải và Ấn Độ Dương, "những chuyến buôn xuyên thảo nguyên bằng ngựa là phương tiện vận tải nối các nền văn minh lại với nhau và nhờ vậy mà các nền văn minh duy trì được mối giao tiếp"<sup>(2)</sup>.

Tác giả cũng nhấn mạnh "phương tiện" giao thông đã đưa các nền văn minh tiếp cận nhau vì mục đích thương mại. Nhưng tác giả chưa quan tâm tiếp xúc văn minh vì mục đích kinh tế chứ không phải vì mục đích chiến tranh. Không có cái gọi là "sự va chạm". Bản thân sự tiếp xúc văn minh là vì kinh tế và tiến hành một cách hoà bình.

Ngày nay, với các phương tiện thông tin toàn cầu như internet cùng các phương tiện vượt đại lục như tên lửa,

2. Samuel Huntington. *Sự va chạm của các nền văn minh*. Nguyễn Phương Sửu, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Phương Nam, Lưu ánh Tuyết dịch. Nxb Lao động, 2005, tr.45.

máy bay siêu thanh thì sự "va chạm" lần thứ tư đã xuất hiện.

Cùng với sự phát triển của các phương tiện giao thông và thông tin, nhân loại xích lại gần nhau, các nền văn minh tiếp xúc nhau. Nhưng nếu như Samuel Huntington coi đó là "sự va chạm" của các nền văn minh thì chưa hẳn đúng. Sự tiếp xúc của các nền văn minh là kết quả hoạt động của con người. Và hoạt động của con người rất cụ thể có những mục đích cụ thể.

Tác giả đã dẫn nhiều định nghĩa về nền văn minh và số lượng các nền văn minh hiện nay, hoặc 8,9,11,21 hay 23, tùy theo từng nhà khoa học, cuối cùng kết luận các nền văn minh đương đại gồm có:

1. Văn minh Trung Hoa: có lúc tác giả gọi là Văn minh Khổng giáo.

2. Văn minh Nhật Bản: tác giả phản đối coi Văn minh Nhật Bản là Văn minh Viễn Đông gồm cả Văn hoá Nhật Bản và Văn hoá Trung Quốc, một nền văn minh riêng biệt.

3. Văn minh Hindu: thường nói là Văn minh Ấn Độ hay Ấn Độ giáo.

4. Văn minh Islam giáo: của cộng đồng Ả-rập.

5. Văn minh Chính Thống giáo: có trung tâm ở Nga tách biệt khỏi Kitô giáo Phương Tây do hàm lượng Văn minh Byzantin rõ nét.

6. Văn minh Phương Tây: có 3 thành phần chính là Châu Âu, Bắc Mỹ và Mỹ Latinh. Hầu hết trong lịch sử, người Mỹ xác định xã hội của họ đối lập với Châu Âu. Người ta từng cho Mỹ là một nền văn minh riêng. Khi nước Mỹ thế kỉ XIX xác định mình khác biệt và đối kháng với Châu Âu thì ở thế kỉ XX, nước Mỹ đã thừa nhận mình là một bộ phận và thực chất là lãnh đạo của một chính thể rộng

lớn hơn, đó là Phương Tây, bao gồm cả Châu Âu. Từ "Phương Tây" ngày nay nói chung còn được sử dụng để chỉ đặc tính Kitô giáo Phương Tây. Phương Tây do vậy là một nền văn minh duy nhất được xác định theo đúng hướng la bàn chứ không phải bằng cái tên của một dân tộc nào, tôn giáo hoặc vùng địa lí nào. Tên gọi "Phương Tây" cũng làm xuất hiện khái niệm "Tây hoá" và mang đến một cách nhìn sai lệch về Phương Tây hoá và hiện đại hoá. Người ta có thể dễ dàng nhận thấy Nhật Bản "Phương Tây hoá" hơn là "Âu - Mỹ hoá".

7. Văn minh Mỹ Latinh: có bản sắc khác biệt rõ nét so với Phương Tây. Tuy có cội nguồn là nền Văn minh Phương Tây, nhưng Văn minh Mỹ Latinh đã tiến hoá theo một con đường khác Châu Âu và Bắc Mỹ. Về mặt lịch sử, Mỹ Latinh chỉ là Kitô giáo. Có thể coi Mỹ Latinh hoặc là nền văn minh nằm trong nền Văn minh Phương Tây, hoặc một nền văn minh riêng biệt liên quan chặt chẽ với nền Văn minh Phương Tây.

8. Văn minh Châu Phi: hầu hết các học giả không thừa nhận có một nền Văn minh Châu Phi rõ rệt. Bắc Phi thuộc Văn minh Islam giáo. Xét về lịch sử, Ethiopia tự thân là một nền văn minh. Chủ nghĩa đế quốc Châu Âu đã mang Kitô giáo đến hầu hết phần phía nam Sahara. Trên khắp lục địa Châu Phi, bản sắc bộ lạc là bao trùm và mạnh mẽ, nhưng người Châu Phi ngày càng phát triển ý thức bản sắc Châu Phi.

*"Tôn giáo là một đặc điểm trung tâm có tính quyết định của các nền văn minh, và như Christopher Dawson nhận xét "những tôn giáo lớn là nền móng của các nền văn minh". Trong số 5 "tôn giáo thế giới" do Weber định nghĩa thì bốn - gồm Kitô giáo, Islam giáo, Ấn Độ giáo và*

Khổng giáo - liên hệ chặt chẽ với các nền văn minh lớn. Thứ năm, Phật giáo, không phải một tôn giáo. Tại sao đây lại là vấn đề? Giống như Islam giáo và Kitô giáo, Phật giáo ngay từ đầu đã chia thành hai nhánh, và giống như Kitô giáo, Phật giáo không sống được tại nơi sinh ra nó. Bắt đầu vào thế kỉ thứ nhất, Phật giáo Mahayana được xuất cảng sang Trung Quốc và ngay sau đó sang Triều Tiên, Việt Nam và Nhật Bản. Ở những xã hội này, Phật giáo bị biến dạng và đồng hoá vào văn hoá bản địa (ví dụ, ở Trung Quốc vào Khổng giáo và Lão giáo), rồi bị chèn ép. Do vậy, trong khi Phật giáo vẫn là một thành phần quan trọng của các nền văn hoá của họ, thì những xã hội này không phải và không chịu xác định họ là bộ phận của Văn minh Phật giáo. Những gì được mô tả một cách chính xác là một nền Văn minh Phật giáo Theravada tồn tại ở Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào và Campuchia. Thêm vào đó, người dân Tây Tạng, Mông Cổ và Butan về lịch sử ngã theo nhánh Lama (Lạt Ma giáo - NDH) của Phật giáo Mahayana. Những xã hội này là khu vực thứ hai của nền Văn minh Phật giáo. Về tổng thể, sự biến mất của Phật giáo tại Ấn Độ và sự thích nghi của nó và hoà vào các nền văn hoá đương đại ở Trung Quốc và Nhật Bản có nghĩa là Phật giáo, tuy là một tôn giáo lớn, nhưng không phải là nền tảng của một nền văn minh lớn"<sup>(3)</sup>.

Đây là sai lầm cơ bản về lí luận của Samuel Huntington. Nhìn vào bảng phân loại 8 nền văn minh của ông đã thấy tiêu chí phân loại không thống nhất. Đối với Văn minh Phương Tây, Văn minh Islam giáo, Văn minh Ấn Độ giáo, Văn minh Chính Thống giáo, Văn minh Trung Hoa đều lấy tôn giáo làm tiêu chí (không kể việc tôi không đồng ý Khổng giáo là tôn

giáo). Còn đối với Mỹ Latinh, Nhật Bản, Châu Phi thì không dùng tôn giáo làm tiêu chí. Do đó, ông bối rối khi bàn về Phật giáo.

*Thực tế, tôn giáo không phải là cái quyết định một nền văn minh. Do vậy, sự va chạm của các nền văn minh không đồng nghĩa sự va chạm các tôn giáo.*

Văn minh ngày càng phát triển lan rộng khắp thế giới nhưng tôn giáo lại không phát triển tương ứng như thế. S. Huntington đã đưa ra một bảng thống kê:

**Bảng 3.3: Tỷ lệ dân số thế giới trung thành với những truyền thống tôn giáo lớn<sup>(4)</sup>**

Năm	1900	1970	1980	1985	2000
<b>Tôn giáo</b>					
<b>Kitô giáo Phương Tây</b>	26,9	30,6	30,0	29,7	29,9
<b>Chính Thống giáo</b>	7,5	3,1	2,8	2,7	2,4
<b>Islam giáo</b>	12,4	15,3	16,5	17,1	19,2
<b>Phi tôn giáo</b>	0,2	15,0	16,4	16,9	17,1
<b>Ấn Độ giáo</b>	12,5	12,8	13,3	13,5	13,7
<b>Phật giáo</b>	7,8	6,4	6,3	6,2	5,7
<b>Dân gian Trung Hoa</b>	23,5	5,9	4,5	3,9	2,5
<b>Bộ lạc</b>	6,6	2,4	2,1	1,9	1,6
<b>Vô thần</b>	0,0	4,6	4,5	4,4	4,2

Bỏ qua cách phân loại tôn giáo của tác giả, nhìn tổng quát thì thấy ngoại trừ Islam giáo, tất cả các tôn giáo đều suy giảm hay dậm chân tại chỗ, trong đó Phật giáo suy vong nhất.

Tác giả đã gộp Mỹ vào Phương Tây mà Kitô giáo Phương Tây cũng không phát triển theo Văn minh Phương Tây. Tác giả

3. Samuel Huntington. Sđd, tr.43-44.

4. Samuel Huntington. Sđd, tr.86.

cũng đã nhận định: "Số liệu trong Bảng 3.3 và theo các nguồn khác cho thấy số lượng tôn giáo trên thế giới không thay đổi là bao trong thế kỉ này. Sự thay đổi lớn nhất thu được, theo các nguồn này, là sự tăng về tỉ lệ người được coi là "phi tôn giáo" và "vô thần" từ 0,2% năm 1900 đến 20,9% năm 1980. Rõ ràng điều này có thể phản ánh sự chuyển hướng thoát khỏi sự ràng buộc tôn giáo, và năm 1980 sự nổi dậy của tôn giáo bắt đầu lấy hơi. Tuy thế, con số 20,7% tăng thêm trong số người không theo tôn giáo nào gần tương ứng với con số suy giảm 19,0% người không còn trung thành với "các tôn giáo truyền thống Trung Hoa" từ 23,5% năm 1900 xuống còn 4,5% năm 1980. Số lượng tăng và giảm gần như đối xứng này cho thấy cùng với sự ra đời của chủ nghĩa cộng sản, số dân khổng lồ của Trung Quốc được tái phân loại từ những người theo các tôn giáo kiểu dân gian truyền thống Trung Hoa thành những người không tin vào tôn giáo nào.

Số liệu cho thấy tỉ lệ dân trên thế giới trung thành với hai dòng chính là Islam giáo và Kitô giáo ngày càng tăng trong khoảng 80 năm qua. Kitô giáo Phương Tây ước lượng có khoảng 26,9% dân số thế giới năm 1900 và 30% năm 1980. Số người theo Islam giáo tăng một cách đầy kịch tính từ 12,4% năm 1900, lên 16,5% hoặc 18% theo ước tính của nguồn khác năm 1980. Trong những thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XX, cả Islam giáo và Kitô giáo đều tăng số tín đồ Châu Phi, và một số lượng đáng kể chuyển sang Kitô giáo ở Hàn Quốc. Trong những xã hội hiện đại hoá nhanh, nếu tôn giáo truyền thống không đủ khả năng thích ứng được với những yêu cầu của hiện đại hoá, thì có xu thế Kitô giáo và Islam giáo sẽ phát triển. Trong những xã hội này, những người ủng hộ văn hoá Phương Tây thành công nhất

lại không phải là những nhà kinh tế giai cấp - mới hoặc những dân chủ gia đi chinh phạt hay những tổng giám đốc công ti đa quốc gia. Họ đã và tiếp tục sẽ là những nhà truyền giáo cho Kitô giáo. Không phải Adam Smith hay Thomas Jefferson đáp ứng yêu cầu tâm lí, tình cảm, đạo đức và xã hội của những di dân đô thị và những người tốt nghiệp phổ thông thế hệ thứ hai. Chúa Giêsu cũng không đáp ứng được.

*Chung cuộc Mohamed sẽ chiến thắng* (tôi nhấn mạnh - NDH). Kitô giáo lan rộng trước hết bằng hoán cải, Islam giáo bằng hoán cải và tái sinh. Tỉ lệ tín đồ Kitô giáo trên thế giới lên đến đỉnh cao khoảng 30% trong những năm 1980, sau đó không thay đổi và bây giờ đang suy giảm, và sẽ có khoảng 25% dân số thế giới năm 2005. Do kết quả tỉ lệ tăng dân số rất cao, tỉ lệ tín đồ Islam giáo trên thế giới sẽ tiếp tục tăng nhanh, đến khoảng 20% dân số thế giới cuối thế kỉ XX, vượt số lượng tín đồ Kitô giáo vài năm sau, và sẽ lên đến 30% dân số thế giới năm 2005<sup>(5)</sup>.

*Dù phân tích rất phức tạp, nhưng xét về vấn đề toàn cầu hoá, hiện đại hoá trong mối quan hệ với tôn giáo, tác giả nhận định tương lai thuộc về Islam giáo chứ không phải Kitô giáo: "Chung cuộc Mohamed sẽ chiến thắng".*

Tác giả cho rằng nền Văn minh Phương Tây đang suy thoái. Sức mạnh tương đối của Hoa Kỳ sẽ giảm nhanh qua các số liệu về kinh tế, tiềm năng quân sự và đưa ra số liệu năm 1950, Phương Tây chiếm 64% tổng sản phẩm thế giới, dự báo đến năm 2003 chỉ còn chiếm 30% tổng sản phẩm thế giới. Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ sẽ phát triển lên. Tác giả nói đến bản địa hoá phục sinh các nền văn hoá ngoài Phương Tây, coi sự phân bố

5. Samuel Huntington. Sđd, tr.68-69.

văn hoá trên thế giới cũng phản ánh sự phân bố quyền lực. Sức mạnh ngày càng tăng của xã hội ngoài Phương Tây do quá trình hiện đại hoá tạo nên đang mang lại sự hồi sinh cho các nền văn hoá không phải của Phương Tây trên toàn thế giới. Bản địa hoá trở nên thịnh hành ở khắp các nước ngoài Phương Tây trong những năm 80 và 90 của thế kỉ XX. Sự phục sinh của Islam giáo và "tái Islam giáo hoá" là vấn đề trung tâm của các xã hội Islam giáo. Ở Ấn Độ, xu thế thịnh hành là bài trừ các giá trị và mô hình của Phương Tây và "Hindu hoá" chính trị và xã hội. Ở Đông Á, nhiều chính phủ đề cao Nho giáo, những nhà lãnh đạo chính trị và trí thức bàn về "Á hoá" quốc gia của họ. Giữa những năm 1980, Nhật Bản trở nên bận rộn với "Nihonjinron hay học thuyết nước Nhật và tiếng Nhật"...

"Chúng ta đang chứng kiến "sự kết thúc của một thời đại tiến bộ" do những tư tưởng của Phương Tây thống trị và đang chuyển sang một thời kì các nền văn minh khác nhau sẽ giao thoa, cạnh tranh, cùng tồn tại và tiếp thu lẫn nhau. Quá trình bản địa hoá đang diễn ra trên toàn cầu nay được thể hiện rõ ở sự trỗi dậy của tôn giáo ở nhiều vùng trên thế giới và đáng quan tâm nhất là sự trỗi dậy về văn hoá của các quốc gia Đông Á và Islam giáo, mà một phần lớn là do sự năng động về kinh tế và sự phát triển về dân số của những quốc gia này"<sup>(6)</sup>.

Nhận định về sự bản địa hoá cơ bản có thể chấp nhận được dù rằng nhấn mạnh Islam giáo như thế thì chưa thoả đáng.

Tiếp theo đó, tác giả viết về "Sự trả thù của Chúa" (La Revanche de Dieu): "Trong nửa đầu thế kỉ XX, nhiều trí thức hàng đầu cho rằng hiện đại hoá kinh tế và xã hội đã dẫn đến sự mất đi của tôn giáo, một phần quan trọng trong sự tồn tại của loài người. Giả thuyết này được cả hai

phe ủng hộ và phản đối chia xẻ. Những người sùng đạo nhấn mạnh phạm vi mà khoa học, chủ nghĩa thực tế và thực dụng đang loại trừ dần sự mê tín, thần thoại, bất hợp lí và những lễ nghi mà chúng cộng lại làm nên phần trung tâm của các tôn giáo hiện nay. Những xã hội đang phát triển sẽ trở nên hoà hợp hơn, hợp lí hơn, thực tế, tiến bộ, nhân bản và thế tục hơn. Mặt khác, những người bảo thủ thì cảnh báo những hậu quả khôn lường khi mất lòng tin tôn giáo, thể chế tôn giáo, và những răn dạy đạo đức mà tôn giáo mang lại cho hành vi cá nhân và tập thể. Kết cục sẽ là sự xói mòn, hỗn loạn của cuộc sống văn minh. Như Elliot nói: "Nếu bạn không muốn có Chúa (và Chúa là một Chúa ghen tị) thì bạn nên dành sự kính trọng cho Hítle hoặc Stalin".

Nửa sau của thế kỉ XX đã chứng minh những hi vọng và sự sợ hãi đó là không có cơ sở. *Quá trình hiện đại hoá kinh tế và xã hội thành một xu thế toàn cầu về phạm vi, và đồng thời sự hồi sinh của tôn giáo trên toàn cầu cũng bắt đầu* (tôi nhấn mạnh - NDH). Sự hồi sinh này - *Sự trả thù của Chúa* - như Gilles Kepel đặt tên cho nó, đã xuyên thấu mọi lục địa, mọi nền văn minh và chắc chắn là từng nước một..."<sup>(7)</sup>.

Tiếp đó, tác giả nói về thế tục hoá, về "Islam giáo hoá tính hiện đại", về sự bành trướng tôn giáo thu nạp tín đồ ở những xã hội mà trước đây chưa có... "Tuy nhiên mặt khác quan trọng hơn, sự trỗi dậy của tôn giáo bao gồm những người quay lại, tiếp thêm sinh khí, và mang lại một ý nghĩa mới cho những tôn giáo của cộng đồng họ. Kitô giáo, Islam giáo, Do Thái giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo, Chính Thống giáo, tất cả đều chứng kiến

6. Samuel Huntington. Sđd, tr.113.

7. Samuel Huntington. Sđd, tr.113-114.

sự cam kết và hoạt động ngày càng tăng của những tín đồ bình thường trước đây. Trong tất cả các giáo phái đó, các phong trào cực đoan xuất hiện tham gia vào cuộc thanh lọc triệt để những học thuyết và thể chế tôn giáo, và vào việc định hình lại hành vi của cá nhân, xã hội và công chúng theo những nguyên tắc tôn giáo. Những phong trào cực đoan thường rất mạnh và có thể có ảnh hưởng đáng kể đến chính trị. Tuy vậy, chúng vẫn chỉ là những lớp sóng trên của một cao trào tôn giáo rộng rãi và căn bản hơn mà chính nó sẽ tạo ra những màu sắc khác cho cuộc sống nhân loại vào cuối thế kỉ XX. Sự trỗi dậy của tôn giáo trên khắp thế giới đã vượt xa ra ngoài hoạt động của những nhóm cực đoan chính thống. Từ xã hội này đến xã hội khác, nó thể hiện trong cuộc sống hằng ngày của con người, trong mối quan tâm và những dự án của chính phủ. Sự trỗi dậy của văn hoá Nho giáo nằm dưới dạng khẳng định các giá trị Á Đông, nhưng ở phần còn lại của thế giới thì thể hiện ở sự khẳng định các giá trị tôn giáo. Như George Weigel nhận định: "Sự phản thế tục hoá thế giới là một trong những hiện thực xã hội nổi bật ở gần cuối thế kỉ XX".

Bộ mặt tôn giáo đã hiện rõ ở những nước cộng sản trước đây. Lấp vào khoảng trống do sự sụp đổ của hệ tư tưởng, tôn giáo đã trở lại những nước đó. Ở Nga, Chính Thống giáo còn trỗi dậy mạnh mẽ hơn. Vào năm 1994, 30% người Nga dưới tuổi 25 nói rằng họ đã thay đổi từ chủ nghĩa vô thần sang tin vào Chúa. Số lượng nhà thờ hoạt động trong khu vực thủ đô Matxcơva tăng từ 50 năm 1988 lên 250 năm 1993. Những nhà lãnh đạo chính trị trở nên tôn trọng tôn giáo và chính phủ thì ủng hộ điều đó... Đồng thời với sự trở lại của Chính Thống giáo ở những nước cộng hoà Xlavo, sự trỗi dậy của Islam giáo tràn qua Trung Á. Năm 1989, có 160 nhà

thờ và một học viện Islam giáo hoạt động ở Trung Á; đầu năm 1993 đã có khoảng 10.000 nhà thờ và 10 học viện Islam giáo. Mặc dù sự hồi sinh này đi cùng một số phong trào chính trị cực đoan và được bên ngoài kích thích từ Arập Xêut, Iran và Pakistan, chúng về căn bản là một phong trào văn hoá rất đại chúng, và chính thống"<sup>(8)</sup>.

Tác giả phân tích các nguyên nhân sự trỗi dậy tôn giáo trên toàn cầu: "Nguyên nhân rõ ràng nhất, mạnh mẽ nhất và đáng thuyết phục nhất dẫn đến sự trỗi dậy của tôn giáo toàn cầu chính là những gì được coi là đã gây nên cái chết tôn giáo: những quá trình hiện đại hoá xã hội, kinh tế và văn hoá đã lan tràn trên khắp thế giới ở nửa cuối thế kỉ XX... Nếu bạn quan sát những nước phát triển nhanh như *Hàn Quốc, Thái Lan, Hồng Kông và Singapore* bạn sẽ nhận thấy một hiện tượng nổi bật lên: sự trỗi dậy của tôn giáo... những phong tục cũ, tôn giáo cũ - thờ cúng cha ông, chủ nghĩa tinh thần không còn đáp ứng hoàn toàn nữa. Cần phải có sự giải thích cao hơn về mục đích con người, về tại sao chúng ta lại ở đây... những bản sắc có từ trước sẽ hoà tan, cái *tôi* cần phải được xác định lại, và bản sắc mới được tạo ra... Theo Bernard Lewis thì trong *thế giới Islam giáo* đang có một xu thế tái diễn, trong trường hợp khẩn cấp để cho người Islam giáo tìm được diện mạo căn bản của mình và trung thành với cộng đồng tôn giáo của mình - có nghĩa là một tập thể được xác định bởi Islam giáo chứ không phải theo tiêu chí dân tộc hay lãnh thổ "... Ở *Ấn Độ* "một diện mạo mới của Ấn Độ giáo cũng đang được hình thành"... Ở *Nga*, sự hồi sinh của tôn giáo là kết quả của "một mong muốn có một diện mạo và chỉ có nhà thờ

8. Samuel Huntington. Sđd, tr.114-116.

Chính Thống giáo - một mắt xích còn chưa bị phá vỡ giữa người Nga với lịch sử 1.000 năm của mình mới có thể mang lại. Trong khi đó, ở *những nước cộng hoà Islam giáo*, sự hồi sinh cũng tương tự phát sinh "từ mong muốn lớn nhất của người Trung Á là khẳng định lại diện mạo của họ đã bị Matxcova vùi dập trong nhiều thập kỉ"... Nói rộng hơn, sự trỗi dậy của tôn giáo trên toàn thế giới là một phản ứng đối với chủ nghĩa thực tục, chủ nghĩa tương đối về đạo đức và tự mãn, và sự tái khẳng định những giá trị của trật tự, kỉ luật, lao động, tương trợ lẫn nhau và sự hoà hợp của loài người... *Hàn Quốc* trước đây là một nước chủ yếu theo Phật giáo, với số lượng người theo Kitô giáo vào khoảng 1% - 3% dân số vào năm 1950. Khi Hàn Quốc cất cánh về kinh tế, với quá trình đô thị hoá mạnh mẽ và phân biệt hoá nghề nghiệp, Phật giáo tỏ ra chưa đủ... Phật giáo thâm trầm của thời kì nông nghiệp của Hàn Quốc mất sự hấp dẫn của nó. Kitô giáo với những thông điệp về sự cứu rỗi bản thân và diện mạo riêng của cá nhân đã là một sự xoa dịu chắc chắn hơn trong giai đoạn thay đổi và khốn quẫn. Vào những năm 80 của thế kỉ XX, số người Kitô giáo, chủ yếu theo Giáo hội Trưởng Lão và Công giáo đã chiếm ít nhất 30% dân số Hàn Quốc...

Một sự thay đổi tương tự và diễn ra song song ở *Mỹ Latinh*. Số người theo đạo Tin Lành tăng từ khoảng 7 triệu năm 1960 lên 50 triệu năm 1990...

Những sự thay đổi này ở Hàn Quốc và Mỹ Latinh phản ánh sự bất lực của Phật giáo và Kitô giáo không đáp ứng những nhu cầu về tâm lí, tình cảm và xã hội của con người đang bị cuốn vào vòng xoáy của công cuộc hiện đại hoá. Việc lựa chọn một

tôn giáo trên thế giới tùy thuộc vào khả năng của các tôn giáo hiện đại có đáp ứng được những nhu cầu này hay không. Nho giáo với bản chất khô cứng về tình cảm của mình, tỏ ra đặc biệt yếu kém. Ở những nước Nho giáo, đạo Tin Lành và Công giáo có thể có sức cuốn hút tương tự như Phúc Âm Tin Lành ở Mỹ Latinh, Kitô giáo với người Hàn Quốc, và khuynh hướng cực đoan đối với Islam giáo và Ấn Độ giáo. Ở *Trung Quốc* vào cuối những năm 1980 khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh nhất, Kitô giáo cũng lan rộng "đặc biệt là ở giới trẻ". Khoảng 50 triệu người theo Kitô giáo. Chính phủ đã cố ngăn chặn sự gia tăng này bằng cách bỏ tù chức sắc tôn giáo, nhà truyền giáo, và những người theo phái Phúc Âm, cấm đoán và đàn áp những hoạt động và nghi lễ tôn giáo, và vào năm 1994 thông qua luật nghiêm cấm người nước ngoài cải đạo hoặc thành lập trường tôn giáo, hay các tổ chức tôn giáo, nghiêm cấm các nhóm tôn giáo tham gia vào những hoạt động do nước ngoài hay tổ chức độc lập tài trợ. Ở *Singapore*, cũng giống như Trung Quốc, có khoảng 5% dân số theo Kitô giáo. Cuối những năm 80 và đầu 90 của thế kỉ XX, các bộ trưởng trong chính phủ cảnh cáo những người theo phái Phúc Âm vì đã làm ảnh hưởng tới "sự cân bằng nhạy cảm của tôn giáo", bắt giữ những người hoạt động tôn giáo gồm cả các chức sắc của các tổ chức Kitô giáo, quấy rối các nhóm và cá nhân theo Kitô giáo ..."<sup>(9)</sup>.

**(Kì sau đang tiếp)**

9. Samuel Huntington. Sđd, tr.116-121.